TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THUỴ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HS-ST

Ngày: 25-5-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THUỴ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và bà Phạm Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy– Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thuy, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thuy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại phòng xét xử hình sự Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn T, Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 07/3/1981; Nơi cư trú: thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Vũ Văn Ph, sinh năm 1952; Mẹ đẻ: Bùi Thị C, sinh năm: 1950; Vợ: Trần Thị Th, sinh năm: 1982 đều trú tại thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Từ tháng 3/2002 đến tháng 01/2004 tham gia nghĩa vụ quân sự tại tiểu đoàn 862 - Lữ đoàn 146 vùng 4 Hải quân. Bị tạm giữ từ ngày 24/01/2022 đến ngày 30/01/2022 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

2.Vũ Văn Tr, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/10/1985; Nơi cư trú: thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Vũ Văn Ch, sinh năm: 1960; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị S, sinh năm: 1958; Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1986 đều trú tại thôn thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Bà S là đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế và được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 190/QĐ-SLĐTBXH ngày 01/8/2015 của Sở Lao động Thương binh xã hội tỉnh Thái Bình. Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự:

Không; Bị tạm giữ từ ngày 24/01/2022 đến ngày 30/01/2022 thay thế bằng biện ngăn chặn pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

3. Vũ Văn Cao. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18/01/1979; Nơi cư trú: thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Vũ Văn H, sinh năm 1952, Mẹ đẻ: Đào Thị D, sinh năm 1958, đều cư trú tại thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Ông H có thời gian tham gia kháng chiến tại địa bàn Mỹ rải chất hóa học từ tháng 1/1972 - 4/1975 và đang được hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 1158/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/7/2009 của Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Thái Bình đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Bị cáo có 3 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 24/01/2022 đến ngày 30/01/2022 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

4. Vũ Văn Quân, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/10/1981; Nơi cư trú: thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Vũ Văn Ph, sinh năm 1952 (đã chết), Mẹ đẻ: Đào Thị H, sinh năm 1965; Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1982 đều cư trú tại thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Ông Ph được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo có 3 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 24/01/2022 đến ngày 30/01/2022 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

5. Phạm Văn Đ, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 22/6/1979; Nơi cư trú: thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Phạm Văn Đ (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T (đã chết); Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1983, đều cư trú tại thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình và 3 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Ngày 07/4/2016 bị Công an huyện Thái Thụy xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền về hành vi "Dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc" theo Quyết định xử phạt số 48/QĐ-XPHC. Nộp phạt ngày 14/4/2016. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2022 đến ngày 30/01/2022 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/01/2022, trong lúc ăn liên hoan tại nhà anh Vũ Văn Ph ở tại thôn QL, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình các bị cáo Vũ Văn T,

Vũ Văn Tr, Vũ Văn C, Vũ Văn Q, Phạm Văn Đ cùng rủ nhau sau khi ăn xong thì sang nhà bị cáo Tuyên đánh liêng ăn tiền. Bị cáo Vũ Văn Tr đã nhờ cháu Vũ Thế Đ, sinh ngày 06/6/2004, là con trai anh Ph đi mua hộ bộ bài tú lơ khơ. Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, bị cáo Vũ Văn Tr cầm theo bộ bài cùng Vũ Văn C đi sang phòng kho đựng đồ của nhà bị cáo Tuyên ngồi chơi liêng ăn tiền trước, ngay sau đó bị cáo T, Q, Đ cùng tham gia chơi. Các bị cáo thỏa thuận cách thức chơi như sau: Ở mỗi ván chơi sẽ sử dụng bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài chia đều cho 05 người chơi mỗi người 03 quân bài. Lúc này mỗi người chơi bỏ ra 10.000 đồng để góp gà. Sau khi xem bài của mình theo thứ tự người thắng ván trước được quyền tố đầu tiên, sau đó theo vòng tròn lần lượt về phía bên tay phải có thể tố ít nhất là 10.000 đồng và tối đa là 50.000 đồng, số tiền này được đưa vào tiền gà để dưới chiếu, bài người nào điểm thấp nếu không theo thì úp bài nhận thua và mất số tiền góp gà, những người còn lại tiếp tục tố cho đến khi không còn ai tố nữa thì lật bài tính điểm. Cách tính điểm như sau: Sáp là cao nhất gồm 03 quân bài giống nhau, nhỏ hơn sáp là liêng gồm 03 quân bài liền nhau theo thứ tự nhưng không cần cùng chất, nhỏ hơn liêng là ảnh gồm 03 quân bài J- Q- K, lấy hàng đơn vị của tổng điểm để tính 09 điểm là cao nhất, 0 điểm là thấp nhất. Xét bài ai thắng thì người đó được ăn toàn bộ tiền gà và tiền tố dưới chiếu. Trong quá trình chơi không ai cho ai vay tiền, Tuyên cũng không thu tiền hồ của ai. Cả 05 người chơi đến 21 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Thái Thụy phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.070.000 đồng (bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc nêu trên và khai nhận số tiền mang theo và dùng vào mục đích đánh bạc như sau: T mang theo khoảng 1.000.000 đồng; Tr mang theo khoảng 1.200.000 đồng; C mang theo khoảng 500.000 đồng; Q mang theo khoảng 1.200.000 đồng; Đ mang theo khoảng 320.000 đồng. Quá trình đánh bạc các bị cáo T, Tr, Q, C, Đ để tiền trên chiếu bạc trước mặt và không nhớ đánh được bao nhiêu ván, không rõ được thua như thế nào.

Cáo trạng số 45/KSĐT ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã truy tố các bị cáo về tội " Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, khoản 2, 3 Điều 35, Điều 50; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn T 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Đề nghị xử phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với bị cáo T.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, khoản 2, 3 Điều 35, Điều 50; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị: Xử phạt bị cáo Vũ Văn Tr và bị cáo Vũ Văn Q mỗi bị cáo từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Đề nghị xử phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với mỗi bị cáo;

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50; Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn C từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam. Không đề nghị khấu trừ thu nhập. Đề nghị xử phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với bị cáo Vũ Văn C

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50; Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam. Không đề nghị khấu trừ thu nhập. Đề nghị xử phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với bị cáo Phạm Văn Đ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và tuyên nghĩa vụ chịu án phí đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng của các bị cáo đều nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ 20 giờ 00 đến 21 giờ 40 phút ngày 23/01/2022 các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr, Vũ Văn Q, Vũ Văn C và Phạm Văn Đ cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi liêng ăn tiền. Bị cáo T khai nhận mang theo khoảng 1.000.000 đồng; bị cáo Tr khai nhận mang theo khoảng 1.200.000 đồng; Bị cáo C khai nhận mang theo khoảng 500.000 đồng; Bị cáo Q khai nhận mang theo khoảng 1.200.000 đồng; Bị cáo Đ khai nhận mang theo khoảng 320.000 đồng. Số tiền thực tế thu trên chiếu bạc là 7.070.000 đồng. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau, tạo thu nhập bất hợp pháp là vi pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa về

hành vi đánh bạc phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung truy tố của bản cáo trạng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm

a. Có tính chất chuyên nghiệp

b. Tiền hoặc hiện vật đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên;

……..

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[3] Trong vụ án này các bị cáo cùng tiếp nhận ý chí của nhau để thực hiện hành vi đánh bạc thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Xét trong toàn vụ, bị cáo Tuyên là người cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, đánh với số tiền lớn nên có vai trò chính thứ nhất; Bị cáo Trinh và bị cáo Quân đánh bạc số tiền ngang nhau vai trò thứ hai sau bị cáo Tuyên; bị cáo Đỉnh và bị cáo Cao đánh bạc với số tiền ít nhất vai trò thứ ba.

[4] Các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr, Vũ Văn Q, Vũ Văn C và Phạm Văn Đ đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Vũ Văn T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Vũ Văn Tr có mẹ đẻ là người có công với cách mạng, bị cáo Vũ Văn C có bố đẻ là bệnh binh, là người có công với cách mạng, bị cáo Vũ Văn Q có bố đẻ là người có công với cách mạng. Nên cho các bị cáo T, Tr, C, Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo trong toàn vụ thì bị cáo Vũ Văn T là người phải chịu mức hình phạt

cao nhất; Bị cáo Vũ Văn Tr và bị cáo Vũ Văn Q chịu mức hình phạt như nhau và thứ hai sau bị cáo Vũ VănT; Bị cáo Phạm Văn Đ có một lần bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2016, nhưng tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm lần này được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đánh bạc với số tiền ít nhất trong toàn vụ, vai trò thấp nhất trong vụ án nên bị cáo Phạm Văn Đỉnh và bị cáo Vũ Văn C chịu mức hình phạt như nhau và nhẹ hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[5] Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr và Vũ Văn Q và áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Văn Đ và bị cáo Vũ Văn C là phù hợp. Giao các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr và Vũ Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã TQ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Giao các bị cáo Phạm Văn Đ và bị cáo Vũ Văn C cho Ủy ban nhân dân xã TQ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, đánh bạc thu lợi bất chính với số tiền nhỏ, vì vậy áp dụng xử phạt tiền là hình phạt bổ sung dưới mức thấp nhất theo quy định của khung hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự lẽ ra phải khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Vũ Văn C và bị cáo Phạm Văn Đ, nhưng xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do (thợ xây) thu nhập thấp và không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với hai bị cáo.

[8] Cháu Vũ Thế Đ mua hộ bị cáo Vũ Văn Tr bộ bài tú lơ khơ nhưng cháu Đạt không biết mục đích các bị cáo mua để sử dụng đánh bạc nên không xem xét xử lý đối với cháu Đạt là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Số tiền 7.070.000 đồng thu trên chiếu là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Bộ bài tú lơ 52 quân các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi đánh bạc tuyên tịch thu tiêu hủy.

[10]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Vê tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr, Vũ Văn C, Vũ Văn Q, Phạm Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, khoản 2, 3 Điều 35, Điều 50; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Văn T 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Văn Tr 7 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Văn Tr 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 7 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Văn Q 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr, Vũ Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo nào cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 36, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn C 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo Vũ Văn C cho Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TC nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam 6 ngày x 3 = 18 ngày. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Vũ Văn C; Xử phạt bổ sung 3.000.000 đồng đối với bị cáo Vũ Văn C để sung quỹ Nhà nước. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TQ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 36, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; giao bị cáo Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TQ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam 6 ngày x 3 = 18 ngày. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Văn Đ; Xử phạt bổ sung 3.000.000 đồng đối với bị cáo Phạm Văn Đ để sung quỹ Nhà nước. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TQ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.070.000 đồng ;

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân;

(Tất cả vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 20/4/2022)

4. Về án phí: Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Vũ Văn Tuyên, Vũ Văn Tr, Vũ Văn C, Vũ Văn Q, Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/5/2022).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Lan

Nơi gửi:
- *VKSND huyện TT;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình*
- *Công an huyện TT;*
- *Chi cục THADS huyện TT;*
- *Các bị cáo;*
- *UBND xã TQ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu văn phòng.*